

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC
ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐT
ngày 28/6/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức)

Thanh Hóa, tháng 6 năm 2022

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
**Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3320/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức nhiệm kỳ 2019-2024;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức tại Tờ trình số 139 /TTr-DHHĐ ngày 20/6/2022 về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ý kiến thảo luận của các thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức tại kỳ họp ngày 27/6/2022.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Trường, Hiệu trưởng và các đơn vị có liên quan thuộc và trực thuộc Trường Đại học Hồng Đức chịu trách nhiệm thực hiện Quyết nghị này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Đảng ủy (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HĐT. *Hand*

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Lê Việt Báu

PHẦN 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC

1. Căn cứ pháp lý

Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH12 ngày 18/6/2012 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc sửa đổi một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18/6/2013 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ 01/7/2020;

Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của BCH Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW8 khóa XI;

Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Nghị định số 86/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về Hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ qui định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Nghị quyết số 13/2021/NQ-CP ngày 03/02/2021 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nghị Quyết số 27-KH/TU, ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Tỉnh ủy Thanh Hóa về Kế hoạch hành động thực hiện Khâu đột phá về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ; chủ động, tích cực tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững giai đoạn 2021-2025;

Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học học giai đoạn 2019-2025;

Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học-công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Đại học Hồng Đức lần thứ V, nhiệm kỳ 2020-2025.

2. Căn cứ thực tiễn

- Kết quả đạt được của Nhà trường trong 10 năm qua trên các mặt hoạt động;

- Bối cảnh giáo dục đại học trong nước và quốc tế;

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

PHẦN 2. NỘI DUNG CHIẾN LƯỢC

I. SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI, TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1.1. Sứ mệnh

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đa ngành, đa lĩnh vực, có chất lượng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ giáo dục đào tạo và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa và đất nước.

1.2. Tâm nhìn

Đến năm 2045, Trường Đại học Hồng Đức là trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trong khối ASEAN và quốc tế.

1.3. Giá trị cốt lõi

Hiền tài - Đổi mới sáng tạo - Trách nhiệm - Hội nhập.

1.4. Triết lý giáo dục

Toàn diện - Trải nghiệm - Thực nghiệp - Thực tài.

1.5. Quan điểm phát triển

- Là cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo với hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

- Xây dựng và phát triển Trường Đại học Hồng Đức phải gắn liền với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa; hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trước hết phải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Tỉnh, sau đó là khu vực, đất nước và quốc tế;

- Xây dựng và phát triển Trường Đại học Hồng Đức một cách toàn diện, dựa trên khai thác, sử dụng tổng hợp hiệu quả và bền vững các nguồn lực trong và ngoài trường;

- Nâng cao tính tự chủ và trách nhiệm giải trình xã hội; hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

II. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới toàn diện, thực chất công tác quản trị, quản lý Nhà trường tiên tiến, hiện đại; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên có phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập; nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, tăng khả năng thích ứng với sự thay đổi của thị trường lao động, gắn đào tạo với sử dụng; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tăng cường hợp tác quốc tế; đầu tư trang thiết bị theo hướng đồng bộ, hiện đại; từng bước tiến tới tự chủ chi thường xuyên.

Đến năm 2030: Trường Đại học Hồng Đức trở thành trường đại học thông minh, đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, có uy tín trong nhóm các trường đại học hàng đầu của khu vực và cả nước; nằm trong top 200 trường đại học trong khối ASEAN.

Đến năm 2045: Trường Đại học Hồng Đức trở thành trường đại học đổi mới sáng tạo; là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học mạnh của cả nước; nằm trong top 150 trường đại học trong khối ASEAN; hội nhập với các trường đại học tiên tiến trên thế giới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về đào tạo và đảm bảo chất lượng

- Mục tiêu: Cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động.

- Chỉ tiêu:

+ Hằng năm cung cấp khoảng 3.000-3.500 lao động có trình độ đại học trở lên, trong đó tỷ lệ có trình độ sau đại học chiếm từ 14-20%;

+ 100% sinh viên tốt nghiệp đạt chuẩn đầu ra kể cả chuẩn trình độ ngoại ngữ, tin học, kỹ năng mềm; tỷ lệ sinh viên sau một năm tốt nghiệp có việc làm đúng hoặc gần ngành đào tạo đạt từ 80% trở lên.

+ Duy trì, phát triển các ngành đào tạo còn phù hợp với tình hình mới; mở mới hoặc hợp tác đào tạo một số ngành/chuyên ngành phục vụ sự phát triển kinh tế mũi nhọn và chuyển đổi số của tỉnh Thanh Hóa. Đến năm 2030 có ít nhất 05 chương trình đào tạo tiên tiến được giảng dạy bằng tiếng Anh.

+ Đến năm 2030, phần đầu 80% chương trình đào tạo đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng, trong đó có ít nhất 15% số chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng kiểm định quốc tế.

2.2.2. Về khoa học và công nghệ

- Mục tiêu: Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chuyển giao công nghệ và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đất nước.

- Chỉ tiêu:

+ 100% kết quả nghiên cứu các đề tài, dự án khoa học công nghệ được ứng dụng vào đào tạo; 70% được ứng dụng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh và các địa phương trong cả nước.

+ Tỷ trọng nguồn thu trung bình từ các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, chuyển giao không thấp hơn 15% tổng thu của Nhà trường.

+ Tạp chí KH&CN của trường được quốc tế hóa; xuất bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh, là tạp chí khoa học có uy tín trong nước, được Hội đồng chức danh giáo sư tính điểm đối với 08 ngành.

+ Đến năm 2030, bài báo khoa học chuyên ngành của giảng viên đạt ít nhất 1,0 bài/giảng viên/năm; số lượng bài báo của giảng viên công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế thuộc danh mục Web of Science, Scopus đạt 50% trong tổng số bài báo được công bố.

+ Đến năm 2030 có ít nhất 15 sản phẩm KH&CN mang thương hiệu Trường Đại học Hồng Đức được chuyển giao và thương mại hóa.

2.2.3. Về hợp tác quốc tế

- Mục tiêu: Nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ với các tổ chức, trường đại học có uy tín trong khu vực và thế giới.

- Chỉ tiêu:

+ Đến năm 2030, hợp tác được ít nhất 10 cơ sở giáo dục đại học trên thế giới trong việc công nhận tương đương văn bằng và công nhận tín chỉ/học phần; người nước ngoài đến học tập, nghiên cứu tại trường chiếm khoảng 4-5% trên tổng qui mô và từ ít nhất 5 quốc gia trên thế giới.

2.2.4. Về tổ chức bộ máy và đội ngũ

- Mục tiêu: Kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới mô hình quản trị đại học tiên tiến, hiện đại. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý đảm bảo về số lượng, chất lượng, hợp lý về cơ cấu. Nâng cao trình độ và năng lực, trong đó chú trọng năng lực về phát triển chương trình đào tạo, giảng dạy theo phương pháp hiện đại, nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ và công nghệ thông tin, gắn với yêu cầu khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Chỉ tiêu:

+ Đến năm 2030, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ ít nhất là 70%, trong đó 45% giảng viên sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giảng dạy chuyên môn; tỷ lệ giảng viên có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư đạt ít nhất 10%.

+ Đến năm 2030, tỷ lệ giảng viên cơ hữu, cán bộ quản lý của trường là giảng viên chiếm ít nhất 80% tổng số viên chức và người lao động trong Nhà trường; tỷ lệ cán bộ khối hành chính, phục vụ chiếm dưới 25% tổng số viên chức, người lao động của trường.

2.2.5. Về tài chính

- Mục tiêu: Gia tăng nguồn lực tài chính; thực hiện lộ trình tự chủ của cơ sở giáo dục đại học.

- Chỉ tiêu:

+ Thu nhập bình quân CBGV đạt 13.500 USD/năm.

+ Đến năm 2030 tự chủ được 100% về chi thường xuyên và một phần chi đầu tư.

2.2.6. Về cơ sở vật chất

Mục tiêu: Hoàn thiện cơ sở vật chất và xây dựng một số phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

Đến năm 2030, có ít nhất 05 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia, hướng tới tiêu chuẩn quốc tế.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

3.1. Tăng cường công tác chính trị, tư tưởng, tạo sự đồng thuận và xây dựng môi trường văn hóa Nhà trường

Phát huy vai trò tập thể lãnh đạo của các tổ chức chính trị, xã hội, sự năng động và sáng tạo của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể nhằm đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng làm cho tất cả cán bộ, viên chức và người học hiểu rõ về chiến lược phát triển Nhà trường để cùng chung sức thực hiện.

Đổi mới, cải tiến công tác thi đua, khen thưởng, khắc phục việc áp dụng các chế độ, chính sách theo kiểu cào bằng, khuyến khích sự cố gắng nỗ lực của mọi cá nhân.

Trường kết hợp với Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên xây dựng một môi trường học tập thân thiện và thực hiện quản lý chuyên nghiệp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác quản lý người học. Thực hiện vai trò người cung cấp, hỗ trợ cho sinh viên như việc làm, tư vấn học tập, giúp người học xử lý các khó khăn trong học tập, sinh hoạt. Vận hành hệ thống thông tin về cựu sinh viên thật hiệu quả.

3.2. Đổi mới công tác quản trị đại học theo hướng hiệu lực, hiệu quả

3.2.1. Rà soát, sắp xếp bộ máy, cơ cấu tổ chức

- Xây dựng Kế hoạch chiến lược từng giai đoạn về tổ chức, quản lý và phát triển đội ngũ để đến năm 2030 có sự đáp ứng về tổ chức, bộ máy và nguồn nhân lực để thực hiện tốt các chiến lược về đào tạo, KH&CN và hợp tác quốc tế.

- Tiếp tục xây dựng hệ thống tổ chức, bộ máy tinh, gọn, hiệu quả, đáp ứng nhiệm vụ, chuyên nghiệp, hóa, có tính thích ứng cao, tăng tính chủ động, tự chủ.

- Rà soát, sắp xếp, tinh giản các phòng, khoa, bộ môn theo hướng tinh, gọn, hiệu quả, tăng tính chủ động, sáng tạo.

- Tổ chức lại các đơn vị phục vụ đào tạo gắn với việc giao khoán công việc, giao khoán định biên, tăng tính chủ động, sáng tạo, tính tự chủ trong thực hiện nhiệm vụ. Một số lĩnh vực có lộ trình khoán hoàn toàn theo công việc hoặc giao tự chủ chi thường xuyên. Từng bước chuyển các bộ phận phục vụ sang dịch vụ. Chuyển mô hình Ban quản lý nội trú sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp quản lý trực thuộc trường.

- Thành lập một số trung tâm nghiên cứu, chuyên giao khoa học, công nghệ và doanh nghiệp khoa học; trung tâm dịch vụ thương mại, ngoại ngữ; trung tâm tư vấn du học; Viện đào tạo quốc tế, Viện KT-XH; xúc tiến thành lập Nhà xuất bản - Đại học Hồng Đức; trường thực hành sư phạm,...theo hướng tự chủ và không tăng biên chế.

3.2.2. Thực hiện cơ chế quản lý, phương pháp quản trị theo hướng từng bước tự chủ (tăng cường trách nhiệm đối với các đơn vị)

- Chuyển đổi mô hình quản trị từ lãnh đạo, kiểm soát sang mô hình trao quyền và giám sát, đề cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình của Trường đối với cấp trên và xã hội. Phân cấp, phân quyền, tăng cường tính tự chủ mạnh trên cơ sở phân định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ cho các đơn vị trực thuộc, gắn với tự chịu trách nhiệm nhất là người đứng đầu đơn vị để tạo sự đột phá trong công tác quản trị, quản lý.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hiện chuyển đổi số trong quản lý, điều hành các hoạt động của Nhà trường. Chuẩn hoá hệ thống văn bản quản lý và quy trình làm việc trong các lĩnh vực, tổ chức và đơn vị trong trường theo hướng chuyên nghiệp; quan tâm đến các chế độ hỗ trợ, khuyến khích các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Đảm bảo môi trường học tập và làm việc tại Trường Đại học Hồng Đức mang tính chuẩn mực và trong sạch. Từng bước nâng cao chất lượng thực hiện công việc đi đôi với công khai, minh bạch.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nội bộ, thống kê, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các đơn vị.

GV

3.2.3. Đổi mới cơ chế đánh giá trên cơ sở hiệu quả công tác. Gắn thu nhập cá nhân với kết quả đánh giá, phân loại viên chức, người lao động.

- Hoàn thiện quy định đánh giá, xếp loại viên chức, lao động hàng năm thành bộ Quy chế đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động hàng tháng, năm cho từng đối tượng trong Nhà trường với các tiêu chí đánh giá được cụ thể hóa và lượng hóa. Đặc biệt trao quyền và chịu trách nhiệm đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động cho trường đơn vị trực thuộc.

- Đổi mới nội dung, hình thức đánh giá, xếp loại gắn với hiệu quả công tác và thu nhập hàng tháng. Tạo ra tính đồng bộ trong đánh giá, xếp loại; huy động nhiều đơn vị, tổ chức và người học tham gia đánh giá, xếp loại. Đảm bảo tính thống nhất về kết quả đánh giá, xếp loại từ cá nhân, bộ môn, đơn vị và nhà trường.

- Xử lý nghiêm minh CBVC-LĐ vi phạm pháp luật, nội quy, quy định của trường.

- Xây dựng mức chi trả ngoài lương cho cán bộ, viên chức và người lao động với kết quả đánh giá xếp loại cán bộ viên chức và người lao động.

3.3. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên

- Quy hoạch đội ngũ phù hợp với yêu cầu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đáp ứng linh hoạt yêu cầu điều chỉnh, mở rộng ngành nghề và nâng cao chất lượng đào tạo. Tiếp tục thực hiện áp dụng các chính sách hỗ trợ cán bộ đi đào tạo, công bố kết quả nghiên cứu khoa học, tham dự các hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia và quốc tế.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý có tâm, có tầm nhìn, có phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại, có trình độ chuyên môn cao, am hiểu về xã hội, ngành nghề, về trường, biết cụ thể hóa chiến lược bằng những bước đi cụ thể, có khả năng thích ứng và giải quyết các vấn đề thực tiễn. Cán bộ quản lý được lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá theo qui định; định kỳ thực hiện rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý cho từng giai đoạn. Xây dựng đội ngũ cán bộ nghiệp vụ đạt chuẩn, có năng lực chuyên môn tốt, có tính chuyên nghiệp hóa.

- Mỗi năm cử 5% giảng viên đi làm NCS; xây dựng cơ chế thu hút giảng viên có trình độ cao về trường công tác hoặc tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với các ngành, lĩnh vực trọng tâm phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của Tỉnh và đất nước.

- Rà soát, bổ sung Đề án vị trí việc làm; xác định tiêu chuẩn, năng lực, số lượng từng vị trí, bộ phận, đơn vị, làm cơ sở để quản lý, tuyển dụng, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, viên chức.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng đến từng vị trí, từng ngành với lộ trình 10 năm.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, cải tiến chế độ phân phối thu nhập tăng thêm dựa trên năng lực, vị trí và kết quả thực hiện công việc; cải thiện điều kiện, môi trường làm việc thân thiện, đảm bảo phát huy năng lực, hiệu quả công tác, mang lại cơ hội phát triển và cống hiến, gắn bó, ổn định lâu dài của đội ngũ cán bộ, giảng viên. Thường xuyên rà soát, bổ sung, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực để hỗ trợ đào tạo.

GV

3.4. Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội

3.4.1. Hoàn thiện mô hình đào tạo, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo để mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo

- Thực hiện đào tạo đa ngành, đa hình thức, đa lĩnh vực: Đào tạo đại học (*kỹ sư, cử nhân*); đào tạo sau đại học (*Thạc sĩ, tiến sĩ*); đa lĩnh vực (*Giáo viên; Kinh doanh-quản lý và luật; Kỹ thuật công nghệ-công nghệ thông tin-nông lâm ngư nghiệp; xã hội nhân văn-hành vi*); tăng quy mô đào tạo các ngành công nghệ thông tin phát triển nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ chuyển đổi số quốc gia; thực hiện dừng tuyển sinh tạm thời hoặc đóng các ngành không tuyển sinh được hoặc ngành xã hội không có nhu cầu.

- Xây dựng và phát triển các CTĐT theo định hướng ứng dụng, nghề nghiệp gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tập trung xây dựng một số ngành chất lượng cao, ngành đào tạo tiên tiến (các ngành sư phạm CLC Toán, Văn, Sử.../các ngành CNTT, QTKD, Kế toán, Kỹ thuật công trình, Khoa học cây trồng, Du lịch...); sắp xếp lại các ngành đào tạo theo hướng thuận tiện cho liên thông ngang, liên thông dọc, đào tạo liên ngành, xuyên ngành phục vụ chuyển đổi số trong các lĩnh vực khác nhau và linh hoạt cho chuyển đổi ngành nghề đào tạo đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

- Đánh giá thực trạng hiệu quả các chương trình đào tạo hiện có của Nhà trường; chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, kỹ thuật để mở các ngành mới mà xã hội có nhu cầu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực (Quản lý đô thị/ Logistis/Digital Marketing...); đổi mới chương trình đào tạo gắn liền với phương thức đào tạo và học liệu e-Learning, khai thác nhiều hình thức dạy trực tuyến; sử dụng phần mềm cho việc thi, đánh giá, quản lý, quản trị nhà trường.

- Đa dạng hóa CTĐT, bồi dưỡng đối với lao động đã tốt nghiệp trình độ đại học theo nhu cầu thị trường lao động. Xây dựng hoàn thiện các qui chế đào tạo, hệ thống đào tạo phù hợp, chuẩn và linh hoạt nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội như: Đào tạo từ xa, đào tạo trực tuyến, liên thông, liên kết đào tạo,

- Xây dựng các điều kiện, qui định để thực hiện song hành các hình thức đào tạo: Chính qui, vừa làm vừa học và đào tạo từ xa; thực hiện tự đào tạo và liên kết đào tạo.

- Chuyển dần một phần đào tạo giáo viên đại trà sang đào tạo giáo viên chất lượng cao; mở rộng các ngành đào tạo khối kỹ thuật, công nghệ; chú trọng xây dựng lộ trình thực hiện các chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao; xây dựng một số ngành đào tạo đạt trình độ khu vực, lấy hạt nhân là các CTĐT chất lượng cao và chương trình tiên tiến nhằm xây dựng thương hiệu trong đào tạo.

- Xây dựng một số học phần chung cho khối ngành đào tạo giáo viên nhằm nâng cao nghiệp vụ sư phạm chung gắn với việc nâng cao kỹ năng xử lý tình huống sư phạm.

- Tăng cường năng lực tiếng Anh cho người học, tạo lập môi trường sử dụng tiếng Anh trong Nhà trường; thu hút sinh viên và giảng viên quốc tế đến học tập và giảng dạy; tăng tỷ lệ các học phần, CTĐT giảng dạy bằng tiếng Anh (CNTT, Du lịch,...).

OTV

- Tăng cường năng lực công nghệ thông tin chuyên ngành và kiến thức về khởi nghiệp trong các chương trình đào tạo.

3.4.2. Gắn kết quá trình đào tạo của Nhà trường với các Doanh nghiệp/Nhà tuyển dụng; tham gia triển khai, cung cấp dịch vụ đào tạo, nghiên cứu, tư vấn, phản biện các vấn đề mà các địa phương/doanh nghiệp có nhu cầu

- Triển khai để Doanh nghiệp/Nhà tuyển dụng tham gia góp ý kiến/đặt yêu cầu về chuẩn đầu ra mà sinh viên của trường cần đạt được; tham gia vào quá trình đào tạo (góp ý vào CTĐT, giảng dạy, trao đổi, semina...), sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo.

- Hợp tác với các Doanh nghiệp/Nhà tuyển trong quá trình tổ chức thực hành, rèn nghề...nhất là đặt hàng tuyển dụng người học; các chương trình hợp tác theo hướng đặt hàng hoặc cam kết sử dụng sản phẩm đào tạo của Nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực về đội ngũ, thiết bị, kinh nghiệm... để Nhà trường có thể tham gia (với tư cách Nhà thầu/Đơn vị cung cấp dịch vụ/Đơn vị tư vấn...) thực hiện triển khai, cung cấp dịch vụ đào tạo, nghiên cứu, tư vấn, phản biện các vấn đề mà các địa phương/doanh nghiệp có nhu cầu.

- Phối hợp với nhà tuyển dụng, các bên liên quan xây dựng hệ thống thông tin về khả năng đào tạo của Nhà trường và nhu cầu sử dụng lao động các giai đoạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn... để cung cấp cho người học và xã hội.

- Trong từng giai đoạn thực hiện việc khảo sát, dự báo nhu cầu nguồn lao động theo từng lĩnh vực, để có giải pháp mở ngành và tuyển sinh đào tạo. Xây dựng được hệ thống thu thập thông tin, phân tích và dự báo cung - cầu nguồn nhân lực trình độ cao theo chuẩn đầu ra của Nhà trường và chuẩn nghề nghiệp của các hiệp hội nghề nghiệp, cộng đồng doanh nghiệp; hệ thống kết nối, chia sẻ thông tin về nguồn nhân lực trình độ cao giữa các nhà quản lý, hoạch định chính sách, các doanh nghiệp, cơ sở đào tạo khác.

- Thực hiện gắn kết các đề tài NCKH của giảng viên, người học với việc giải quyết các vấn đề đặt ra trong dạy, học để nâng cao chất lượng đào tạo.

- Thực hiện nhanh và hiệu quả đề án xây dựng trường liên cấp phục vụ công tác đào tạo sư phạm trong nhà trường.

3.4.3. Duy trì hoạt động đảm bảo chất lượng trong đào tạo, gắn với việc thực hiện các tiêu chí kiểm định chất lượng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo

- củng cố hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của Nhà trường, duy trì kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm ở cấp trường và cấp khoa gắn với việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; vận hành có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng ISO trong toàn trường.

- Đánh giá, kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo chuẩn quốc gia, một số chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA), hoặc ABET 05 năm/lần; tham gia các mạng lưới và các hoạt động về bảo đảm chất lượng, đánh giá và kiểm chất lượng giáo dục trong nước, khu vực và quốc tế.

- Bảo đảm các yêu cầu về đội ngũ, CSVC và các nguồn lực khác trong triển khai CTĐT; rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn của các ngành đang tổ chức đào tạo, xây

Handwritten signature

dựng lộ trình đầu tư các điều kiện cần thiết, thực hiện các nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng CTĐT theo chuẩn quốc gia và khu vực, mỗi năm từ 3-4 CTĐT.

- Khảo sát chất lượng đào tạo, chất lượng chương trình, chất lượng SV tốt nghiệp; thực hiện kết nối với cựu SV và xây dựng cơ sở dữ liệu về cựu SV; thực hiện đối sánh chương trình đào tạo theo các chỉ số ĐBCL cốt lõi của các trường đại học tiên tiến.

- Nâng cao chất lượng câu hỏi thi, đề thi kết thúc học phần cho các môn học, tổ chức chặt chẽ các kỳ thi theo nguyên tắc: “Học thật, thi thật” với hệ thống quản lý có hiệu quả kết quả thi và kết quả học tập của sinh viên.

3.4.4. Tăng cường các điều kiện, nguồn lực nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Tái cấu trúc lại các khoa, bộ môn để quản lý đào tạo theo diện rộng và chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất, kỹ thuật để mở các ngành mới mà xã hội có nhu cầu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

- Nâng cao năng lực của đội ngũ, bổ sung hệ thống thiết bị, ... để Nhà trường có thể thực hiện triển khai, cung cấp dịch vụ đào tạo, kết nối với cộng đồng.

- Chuyên nghiệp hóa các hoạt động quản lý, đào tạo; xây dựng văn hóa chất lượng, tinh thần phục vụ cộng đồng, chia sẻ trách nhiệm trong việc giải quyết các công việc chung vì sự phát triển của Nhà trường và địa phương.

3.4.5. Giải pháp mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo và NCKH

- Rà soát, đánh giá lại hiệu quả của các MOU hiện có, nhất là các chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo đang triển khai; thực hiện đa dạng mô hình đào tạo liên kết quốc tế (hợp tác đào tạo/trao đổi giảng viên, sinh viên/hợp tác NCKH phục vụ đào tạo...).

- Phân đầu xây dựng 1-2 ngành đào tạo đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của Hiệp hội ASEAN; xây dựng thành công 1-2 chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học uy tín trên thế giới.

- Duy trì và nâng cao hiệu quả các chương trình liên kết đào tạo đang thực hiện; xây dựng chương trình liên kết đào tạo với các đối tác đủ điều kiện và phù hợp với điều kiện thực tế tại Trường Đại học Hồng Đức và địa phương.

- Chuẩn bị nguồn lực về đội ngũ, điều kiện dạy học để tiến tới xây dựng ngành Du lịch và Kế toán đáp ứng chuẩn nghề nghiệp của Hiệp hội ASEAN.

- Xây dựng các chương trình hợp tác/trao giảng viên/sinh viên cả ngắn hạn và dài hạn với các trường thuộc các nước như: Ba Lan, Thái Lan, Singapore...

3.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả nghiên cứu khoa học; tham mưu, tư vấn, phản biện các chiến lược phát triển tỉnh Thanh Hóa

3.5.1. Tăng cường tuyển chọn, đấu thầu và các hình thức khác để nâng cao số lượng, chất lượng các đề tài NCKH, sản phẩm KH&CN

- Xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN theo hướng nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thị trường trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư; gắn với chiến lược KH&CN của ngành giáo dục và đào tạo và các

CH

định hướng, chiến lược phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Thanh Hóa và các địa phương, vùng, miền trong cả nước. Tập trung vào các lĩnh vực: Khoa học Kỹ thuật - Công nghệ (công nghệ số, thông tin, trí tuệ nhân tạo...); nông lâm thủy sản; công nghiệp-xây dựng; thương mại-dịch vụ, văn hóa, du lịch; y dược; khoa học xã hội và nhân văn và khoa học giáo dục; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu...

- Xây dựng kế hoạch để tham gia đấu thầu, tuyển chọn có hiệu quả các đề tài cấp Quốc gia và tương đương (mỗi năm có thêm ít nhất 01 đề tài); đề tài cấp Tỉnh, cấp Bộ và các nhiệm vụ KH&CN tương đương (mỗi năm có 08-10 đề tài) và đảm bảo có ít nhất 15% sinh viên hàng năm tham gia NCKH.

- Xây dựng kế hoạch, tuyển chọn và giao cho các đơn vị, cá nhân để đến năm 2030 có ít nhất 12 sản phẩm KH&CN mang thương hiệu Trường Đại học Hồng Đức được chuyển giao và thương mại hóa.

- Xây dựng lộ trình để có ít nhất 08 ngành của Tạp chí Khoa học Trường Đại học Hồng Đức được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính điểm công trình và được tham gia cơ sở dữ liệu quốc tế.

3.5.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, hệ thống quản lý và các điều kiện

- Có kế hoạch và giải pháp để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, giảng viên về NCKH và chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ.

- Có lộ trình và giải pháp nhằm xây dựng 6 nhóm nghiên cứu có đủ khả năng đề xuất, tham gia tuyển chọn, đấu thầu đề tài mới; tư vấn, phản biện và giải quyết các nhiệm vụ khoa học trọng điểm của Nhà trường, ngành và của địa phương đặt ra.

- Đổi mới cơ chế quản lý, lựa chọn, phân bổ đề tài, dự án nghiên cứu theo các chương trình NCKH các cấp, từng bước áp dụng cơ chế đấu thầu cạnh tranh trong phân bổ đề tài NCKH.

- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp cao và công bố quốc tế; cơ chế, chính sách cho các nhóm nghiên cứu mạnh; cơ chế, chính sách và đầu tư các nguồn lực tạo điều kiện phát triển các sản phẩm KH&CN mang thương hiệu Trường Đại học Hồng Đức; chính sách thu hút trong lĩnh vực NCKH.

- Xây dựng các chương trình, nhiệm vụ KH&CN trọng điểm, có tác động trực tiếp đến nâng cao chất lượng đào tạo và công tác quản lý của Nhà trường và phục vụ phát triển KTXH tỉnh Thanh Hóa.

3.5.3. Đẩy mạnh hợp tác, phối hợp trong hoạt động KH&CN và mở rộng các loại hình, dịch vụ KH&CN

- Thực hiện liên kết, hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ giữa Nhà trường với các doanh nghiệp, địa phương nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của Nhà trường.

- Ký kết hợp tác NCKH và chuyển giao công nghệ giữa Nhà trường với các cơ quan quản lý Nhà nước và doanh nghiệp. Hình thành mô hình hợp tác Nhà trường - Doanh nghiệp - Nhà nước trong quá trình nghiên cứu và ứng dụng các đề tài khoa học.

on

3.6. Tăng cường hợp tác quốc tế

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý hoạt động HTQT của Nhà trường; xây dựng kế hoạch HTQT dài hạn và trung hạn, xây dựng kế hoạch HTQT từng năm với nội dung cụ thể về hợp tác trong đào tạo và NCKH bằng nhiều hình thức (liên kết đào tạo, hợp tác NCKH, trao đổi tín chỉ, trao đổi giảng viên/ sinh viên, tiếp nhận chương trình đào tạo tiên tiến, tổ chức hội nghị hội thảo quốc tế).

- Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ hợp tác quốc tế thành mạng lưới HTQT từ cấp bộ môn, khoa và trường; phát huy thế mạnh của CBGV, đặc biệt là CBGV tốt nghiệp ở nước ngoài trong công tác HTQT; có cơ chế khuyến khích, thu hút tập thể và cá nhân trong và ngoài nước có năng lực, kinh nghiệm tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế của trường.

- Tăng cường quảng bá thương hiệu Nhà trường; tham gia xây dựng diễn đàn chung của các trường đại học khu vực Châu Á về một số lĩnh vực đào tạo; phối hợp và chủ trì tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế trường; xây dựng lộ trình phát triển Trường Đại học Hồng Đức theo hướng chuẩn quốc tế.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện đào tạo trình độ đại học theo chương trình quốc tế ở một số lĩnh vực; thực hiện hợp tác đào tạo với các trường đại học nước ngoài có uy tín thông qua hình thức LKĐT, công nhận tín chỉ, thực hành thực tập, v.v., để từng bước nâng cao thương hiệu trong đào tạo; liên kết đào tạo với các trường đại học đẳng cấp quốc tế để tiến tới cấp bằng chuẩn quốc tế cho sinh viên Nhà trường.

- Thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, phát huy năng lực nghiên cứu của CBGV để tổ chức thực hiện các đề tài, dự án NCKH phối hợp với các tập thể, cá nhân từ các trường đại học và các viện NCKH quốc tế.

- Thực hiện hiệu quả hoạt động trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học, các tổ chức nước ngoài (mỗi năm trao đổi từ 80-100 sinh viên và 20-30 lượt giảng viên); xây dựng và thực hiện chương trình thực hành, thực tập ở nước ngoài cho sinh viên một số ngành do trường đào tạo.

- Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho nước CHDCND Lào, mở rộng vùng tuyển sinh và đa dạng hóa các hình thức đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo Tiếng Việt cũng như đào tạo chuyên ngành cho LHS; mở rộng qui mô, số lượng sinh viên quốc tế học tập tại trường; quản lý người nước ngoài đang làm việc, học tập tại trường theo đúng quy định của Nhà nước.

- Mở rộng hợp tác với các trường đại học trong nước và quốc tế để thực hiện các chương trình hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

3.7. Đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

- Thực hiện chuyển đổi số trong quản lý và điều hành các hoạt động của Nhà trường. Thực hiện quản lý văn bản và giải quyết công việc trên môi trường điện tử, triển khai các phần mềm hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, các thủ tục hành

chính đối với người học được xử lý trực tuyến ở mức độ 3 và một số thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến ở mức độ 4.

- Xây dựng trung tâm thông tin thư viện theo hướng thư viện điện tử và tham gia mạng lưới các thư viện trong nước; xây dựng trung tâm học liệu, phòng họp, phòng học trực tuyến.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu dạy, học, nghiên cứu khoa học và quản lý điều hành trong Nhà trường. Phát triển cơ sở vật chất gắn với phát triển đào tạo và NCKH, đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo và gắn với việc phân cấp, phân quyền cho các đơn vị trong trường.

- Xây dựng thực hành, thí nghiệm dùng chung cho các ngành và một số phòng thí nghiệm trọng điểm đạt chuẩn quốc gia.

- Xây dựng chính sách tự đầu tư cơ sở vật chất đặc biệt là hệ thống trang thiết bị thí nghiệm thực hành từ nguồn lực của Nhà trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư cơ sở vật chất, kêu gọi các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư, khai thác cơ sở vật chất; tranh thủ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, nguồn đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp để sử dụng một cách hiệu quả và phát triển hài hòa lợi ích của Nhà trường- Nhà nghiên cứu và doanh nghiệp.

3.8. Giải pháp phát triển tài chính

- Xây dựng phương thức quản lý để tăng cường phát triển, thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính và tiến tới cơ chế tự chủ về tài chính song song với xu thế mở rộng quyền tự chủ cho các đơn vị trong trường; đảm bảo cho các đơn vị có đủ nguồn lực để phát huy tính sáng tạo, chủ động thực hiện chiến lược phát triển chung của Nhà trường.

- Thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính bao gồm các nguồn từ đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, nguồn dự án, nguồn phát triển các hoạt động dịch vụ hỗ trợ cộng đồng, nguồn hỗ trợ từ các doanh nghiệp, tổ chức và từ ngân sách.

- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính hợp lý, minh bạch công khai có khả năng khai thác, thu hút nguồn lực đảm bảo sự bền vững về tài chính của Nhà trường; phân bổ nguồn thu chi công khai, công bằng giữa các đơn vị trong toàn trường. Thực hiện phân phối cho cán bộ giảng viên, viên chức người lao động theo kết quả hoạt động.

- Tập trung chi cho các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động khoa học, công nghệ. Đầu tư có trọng điểm vào những chương trình, hoạt động mang lại uy tín, vị thế và nguồn thu cho Nhà trường.

- Điều chỉnh lại cơ cấu chi phí một cách hợp lý theo hướng nâng cao hiệu quả chi phí thường xuyên và tối ưu hóa các khoản chi đầu tư phát triển; rà soát chi phí dịch vụ cho phù hợp; nghiên cứu để khoán chi một số lĩnh vực hoạt động, dịch vụ.

- Xây dựng cơ chế chi, thưởng cho người lao động, gắn mức chi với sự đóng góp của người lao động.

on

PHẦN 3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để thực hiện thành công “Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, Hội đồng trường giao Hiệu trưởng Nhà trường:

- Phổ biến sâu rộng các nội dung của Chiến lược đến tất cả các bộ phận trong đơn vị và toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh; đồng thời, giới thiệu rộng rãi Chiến lược đến các cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước có liên quan.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn (3 hoặc 5 năm) và được cụ thể hóa thành các mục tiêu của từng lĩnh vực. Mỗi lĩnh vực phải xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện theo từng năm học.

- Hằng năm Hiệu trưởng tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược, trên cơ sở đó báo cáo và đề nghị Hội đồng trường điều chỉnh chỉ tiêu của Nhà trường trong năm học tiếp theo cho phù hợp với thực tiễn.

- Chu kỳ 5 năm, Hội đồng trường tổ chức đánh giá việc thực hiện Chiến lược, làm căn cứ điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển cho giai đoạn tiếp theo./.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



Lê Viết Bái

